

INDONESIA CÔNG BỐ DỰ THẢO QUY ĐỊNH SỐ 42 NĂM 2024 VỀ VIỆC THỰC HIỆN ĐẢM BẢO CÁC SẢN PHẨM HALAL TẠI THỊ TRƯỜNG

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nhiều lợi thế khi xuất khẩu hàng hoá vào thị trường Indonesia do cùng nằm trong khu vực Đông Nam Á, văn hoá gần gũi, nên hàng hoá Việt Nam dễ được chấp nhận hơn tại thị trường này; Khoảng cách địa lý gần giúp giảm chi phí vận chuyển, tăng sức cạnh tranh cho hàng hoá của Việt Nam; Bên cạnh đó, hai nước cùng thuộc Hiệp hội các quốc gia ASEAN được hưởng ưu đãi thuế quan nội khối và các hiệp định thương mại tự do với các nước, nên có nhiều cơ hội mở rộng hoạt động giao thương.

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm của Việt Nam sang Indonesia tăng mạnh. Trong đó, gạo là mặt hàng nông sản, thực phẩm Indonesia nhập khẩu từ Việt Nam lớn nhất, đạt 1,1 triệu tấn, trị giá 678,9 triệu USD, tăng 0,6% về lượng và tăng 10,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; xuất khẩu cà phê đạt 46,4 nghìn tấn, trị giá 203,3 triệu USD, tăng 32,6% về lượng và tăng 74,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu chè và hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường Indonesia trong 11 tháng năm 2024 cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023, nhưng trị giá xuất khẩu 2 mặt hàng này sang Indonesia chưa cao. Trong khi đó, xuất khẩu bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc của Việt Nam sang Indonesia trong 11 tháng năm 2024 đạt 22,9 triệu USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Xuất khẩu mặt hàng nông sản, thực phẩm của Việt Nam sang Indonesia trong 11 tháng năm 2024

Mặt hàng	Tháng 11/2024		So với tháng 11/2023		11 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Hàng thủy sản		2.456		90,6		15.885		-4,7
Hàng rau quả		2.037		475,2		6		21,2

Mặt hàng	Tháng 11/2024		So với tháng 11/2023		11 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Cà phê	685	7.021	-71,8	-27,8	46.403	203.343	32,6	74,6
Chè	883	1.067	-2,2	15,5	9.446	10.001	47,9	53,9
Gạo	43.573	23.998	-60,2	-65,6	1.130.339	678.919	0,6	10,5
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		2.396		-13,0		22.900		9,7

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khi số liệu thống kê của ITC cho thấy, tỷ trọng hàng nông sản, thực phẩm (Mã HS từ 01 - 20) của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Indonesia mới chỉ chiếm tỷ lệ 5% trong tổng 18,08 tỷ USD nhập khẩu 10 tháng năm 2024. Trong đó, nhiều chủng loại gạo, cà phê, bánh, quế, chè, hạt tiêu... chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng nhập khẩu của Indonesia, nhưng tỷ trọng nhóm hàng rau quả, thủy sản vẫn ở mức thấp.

Tỷ trọng các mặt hàng nông sản, thực phẩm chủ lực của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Indonesia 10 tháng năm 2024

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Indonesia		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	10 tháng 2024 (%)	10 tháng 2023 (%)
01 đến 20	Tổng	896.510	35,7	18.082.980	10,6	5,0	4,0
10063099	Gạo xay xát một phần hoặc toàn bộ, đã đánh bóng hoặc trắng men, không phải mã hs 10063030 ...	636.910	21,2	1.926.512	83,7	33,1	50,1
09011130	Cà phê robusta, chưa rang, chưa khử caffein	106.098	143,0	118.229	113,4	89,7	78,8
17019910	Đường tinh luyện	26.956	112.216,7	66.427	-6,1	40,6	0,0
10064090	Gạo tằm, không phải loại dùng làm thức ăn	17.923	84,1	209.857	74,8	8,5	8,1

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Indonesia		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	10 tháng 2024 (%)	10 tháng 2023 (%)
	chăn nuôi						
09011120	Cà phê arabica, chưa rang, chưa khử caffein	11.930	55,1	45.303	46,3	26,3	24,9
19059030	Bánh	11.857	-20,7	22.363	2,6	53,0	68,6
03049910	surimi đông lạnh (thịt cá băm nhỏ)	11.363	-20,2	13.029	-18,8	87,2	88,8
11081400	Tinh bột sắn	9.018		157.426	1.224,8	5,7	0,0
08013200	Hạt điều, đã bóc vỏ, tươi hoặc khô, đã bóc vỏ hoặc chưa	8.680	1,3	8.692	1,2	99,9	99,7
09061100	Quế (cinnamomum zeylanicum blume), chưa giã hoặc xay	7.297	64,3	7.325	48,2	99,6	89,9
10063070	Gạo thơm khác, gạo xay sát một phần hoặc toàn bộ, đã đánh bóng hoặc trắng men hoặc chưa	6.468	172,5	6.469	172,5	100,0	100,0
09024090	Trà đen (lên men) và trà lên men một phần, không phải lá, không phải loại ăn liền ...	6.097	53,1	6.767	18,2	90,1	69,6
19059080	Các sản phẩm thực phẩm giòn mặn khác	3.075	235,0	48.702	15,5	6,3	2,2
05051010	Lông vịt loại dùng để nhồi, lông tơ	2.935	111,8	29.057	2,9	10,1	4,9
17041000	Kẹo cao su, đã phủ đường hoặc chưa phủ	2.546		5.382	87,5	47,3	0,0
17049099	Bánh kẹo đường không phải kẹo cao su, kẹo ngậm có thuốc và giọt, và sô cô la trắng, ...	2.161	24,8	61.892	0,7	3,5	2,8
09061900	Hoa quế, không nghiền hoặc xay	1.996	20,9	2.050	2,6	97,4	82,6
09041120	Hạt tiêu đen, không nghiền hoặc xay	1.938	543,9	3.765	765,5	51,5	69,2
20081999	Hạt, lạc và các loại hạt khác, không phải hạt điều và hạt xay...	1.650	-33,8	5.695	35,9	29,0	59,5

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Indonesia		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	10 tháng 2024 (%)	10 tháng 2023 (%)
09022010	Lá trà xanh (không lên men), không phải trong các gói sẵn có hàm lượng không quá ...	1.491	160,2	2.124	185,9	70,2	77,1
09101100	Gừng, không nghiền hoặc xay	1.289	346,0	4.135	461,8	31,2	39,3
07141011	Mảnh sấy khô	1.224		1.224	425,3	100,0	0,0
11010019	Bột mỳ loại khác	1.146	-28,1	20.654	13,4	5,5	8,7
04090000	Mật ong tự nhiên	1.127	99,8	6.991	1,0	16,1	8,1
08021290	Hạnh nhân, đã bóc vỏ, chưa chần, tươi hoặc khô, đã bóc vỏ hoặc chưa bóc vỏ	1.009	80,5	18.505	51,4	5,5	4,6
09022090	Trà xanh (không lên men), không phải là lá trong các gói sẵn có hàm lượng không quá ...	1.003	32,5	5.870	17,2	17,1	15,1
20081991	Hạt lạc và các loại hạt khác, không phải hạt điều và hạt xay, w.o.n trộn với nhau, ...	937	6,8	10.510	-0,1	8,9	8,3
19059090	Bánh mì, bánh ngọt, bánh nướng, bánh quy và các loại bánh nướng khác...	771	6,6	19.056	64,4	4,0	6,2
03049990	Thịt cá khác đông lạnh (đã băm hoặc chưa băm) của các loại cá khác...	703	-10,8	1.081	-13,7	65,0	62,9
20098999	Nước ép của bất kỳ loại trái cây, hạt hoặc rau nào khác...	593	-12,5	4.590	-13,8	12,9	12,7
16052920	Viên tôm	570	168,9	609	150,6	93,6	87,2
20055100	Đậu đã bóc vỏ, chế biến hoặc bảo quản theo cách khác ngoài giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh, khác	433	-33,8	1.377	-10,8	31,4	42,4

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Indonesia		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	10 tháng 2024 (%)	10 tháng 2023 (%)
	...						
20089990	Trái cây, hạt và các bộ phận ăn được khác của thực vật ngoài mã hs 20089100 đến 20089930	428	448,7	11.251	3,4	3,8	0,7
14049099	Sản phẩm rau không được chỉ định hoặc bao gồm ở nơi khác, ngoài mã hs 14042000 đến 14049092	420	-16,8	1.872	23,8	22,4	33,4
19023090	Mì ống nấu chín, không nhồi, trừ bún gạo, bún trong, mì ăn liền	380	71,2	2.491	20,9	15,3	10,8
11063000	Bột, bột thô và bột mịn của các sản phẩm thuộc chương 8	358	76,4	2.245	79,0	15,9	16,2
19012030	Hỗn hợp và bột nhào để chế biến các loại bánh thuộc nhóm 1905, trừ mã hs 19012010 ...	348	58,2	5.897	54,2	5,9	5,8
07031021	Hành tím, củ để nhân giống, tươi hoặc ướp lạnh	327	-52,3	327	-52,3	100,0	100,0
13021940	Nhựa thực vật và chiết xuất từ cây cúc trừ sâu hoặc rễ cây có chứa rotenone	315	-10,5	3.722	8,5	8,5	10,3
15159099	Dầu thực vật cố định khác, nhưng không biến đổi về mặt hóa học, trừ mã hs 15151100 đến 15159039, ...	308	962,1	4.123	6,4	7,5	0,7
19059070	Bánh thánh, bánh trắng và các sản phẩm tương tự	261	24,3	340	34,4	76,8	83,0
06031900	Hoa cắt cành và nụ hoa loại thích hợp để làm bó hoa hoặc dùng làm đồ trang trí, các loại	229	-13,3	2.808	-15,2	8,2	8,0

Mã HS	Mô tả	Nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Indonesia		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	Kim ngạch (Nghìn USD)	So với 10 tháng 2023 (%)	10 tháng 2024 (%)	10 tháng 2023 (%)
	khác ...						
19042010	Thực phẩm chế biến từ ngũ cốc chưa rang	214	25,1	362	-11,1	59,1	42,0
09081200	Hạt nhục đậu khấu, nghiền hoặc xay	195	74,1	231	-76,0	84,4	11,7
05051090	Lông vũ loại dùng để nhồi, lông tơ, không phải lông vịt	191	-59,0	6.744	-5,5	2,8	6,5
09062000	Quế và hoa cây quế, nghiền hoặc xay	189	-79,2	198	-83,1	95,5	77,6

Nguồn: ITC

Đề khai thác hiệu quả thị trường nông sản, thực phẩm Indonesia, các sản phẩm phải có chứng nhận Halal. Chính phủ Indonesia mới đây đã đưa ra quy định bắt buộc hầu hết sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại Indonesia phải có chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Halal do Cơ quan đảm bảo sản phẩm Halal (BPJPH) ban hành. Lộ trình thực hiện từ tháng 10/2024 đến tháng 10/2034 cho từng loại hàng hóa, trước mắt áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm và đồ uống vào năm 2026, sau đó áp dụng cho dệt may, mỹ phẩm và nhiều loại hình dịch vụ.

Indonesia hiện là nước có cộng đồng Hồi giáo lớn nhất thế giới với 231 triệu người, là thành viên G20, nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á và có tham vọng trở thành nền kinh tế top 5 thế giới. Nền kinh tế Hồi giáo không chỉ giới hạn trong thực phẩm, đồ uống mà là tất cả các sản phẩm tiêu dùng, dịch vụ như tài chính, du lịch, dược phẩm, thậm chí cả may mặc, mỹ phẩm, thời trang... phù hợp với các quy định Halal của Hồi giáo.

Với 87% trong dân số hơn 280 triệu người của Indonesia theo đạo Hồi, thị trường Halal của Indonesia vô cùng tiềm năng đối với nhiều quốc gia. Theo báo cáo trên trang www.databridgemarketresearch.com, quy mô thị trường sản phẩm

Halal Indonesia đạt khoảng 279 tỷ USD vào năm 2023 và được dự báo đạt 807,86 tỷ USD vào năm 2031, với CAGR là 14,2% trong giai đoạn từ năm 2024 đến năm 2031. Nhu cầu này trải dài trên nhiều lĩnh vực khác nhau như thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm và tài chính. Trong đó, ngành công nghiệp thực phẩm chứng kiến sự gia tăng các sản phẩm được chứng nhận halal để đáp ứng nhu cầu ăn kiêng của người tiêu dùng theo đạo Hồi, thúc đẩy tăng trưởng thị trường và thúc đẩy các doanh nghiệp tập trung vào việc tuân thủ halal để nắm bắt phân khúc sản phẩm nhiều tiềm năng này.

Việt Nam có thế mạnh về nền nông sản, thực phẩm phong phú và chất lượng, đã chinh phục được nhiều thị trường tiêu chuẩn cao trên thế giới, văn hóa ẩm thực ngày càng trở thành một thương hiệu của quốc gia. Hiện đã có một số sản phẩm mang bản sắc Việt Nam được chứng nhận Halal và lưu hành tại thị trường Indonesia như thực phẩm khô (phở, bún), đồ đông lạnh (nem, sủi cảo, há cảo), đồ hộp (thịt, hoa quả, cà phê). Ngoài ra, các sản phẩm như sữa, mật ong, cà phê uống liền, nước chanh leo... cũng có tính cạnh tranh cao. Nhìn chung, thị trường Halal của Indonesia còn nhiều tiềm năng cho doanh nghiệp Việt Nam khai thác.

Tuy nhiên, để xuất khẩu sản phẩm Halal vào thị trường Indonesia, các doanh nghiệp cần quan tâm đến các quy định đối với nhóm sản phẩm này. Mới đây, Chính phủ Indonesia đã gửi thông báo đến các nước thành viên WTO dự thảo quy định số 42 năm 2024 của Chính phủ nước này về việc thực hiện đảm bảo các sản phẩm Halal tại thị trường Indonesia. Quy định này là bản sửa đổi của quy định số 8839 năm 2021 đã được thông báo trước đó.

Quy định mới của Chính phủ Indonesia nhằm đảm bảo các sản phẩm được người Indonesia tiêu thụ, đặc biệt là người Hồi giáo, phải tuân thủ các tiêu chuẩn Halal và mang đến cho người tiêu dùng sự chắc chắn về các sản phẩm Halal trên thị trường.

Các điều khoản chính được quy định trong quy định số 42 năm 2024 của Chính phủ Indonesia bao gồm: Cơ quan thực hiện đảm bảo sản phẩm Halal có trách nhiệm quản lý hệ thống đảm bảo sản phẩm Halal, đảm bảo tuân thủ tất cả sản phẩm được chứng nhận.

Địa điểm, cơ sở vật chất và thiết bị cho quy trình sản phẩm Halal (PPH) phải khác biệt với những địa điểm, cơ sở và thiết bị được sử dụng cho các quy trình không phải Halal. Điều này bao gồm việc tách biệt các khu vực giết mổ, chế biến, bảo quản, đóng gói, phân phối, bán hàng và trưng bày.

Về thủ tục đăng ký và gia hạn chứng nhận Halal, cơ quan thực hiện đảm bảo sản phẩm Halal xử lý đơn xin cấp chứng nhận Halal mới và gia hạn, đảm bảo sản phẩm duy trì sự tuân thủ theo thời gian.

Các quy trình chứng nhận Halal đơn giản hóa được cung cấp cho doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ đáp ứng các tiêu chuẩn Halal của Cơ quan thực hiện đảm bảo sản phẩm Halal. Các sản phẩm được coi là Halal phải có nhãn Halal; trong khi các sản phẩm không phải Halal thì phải có thông tin không Halal rõ ràng trên bao bì.

Cơ quan thực hiện đảm bảo sản phẩm Halal hợp tác với nhiều Bộ khác nhau (Công nghiệp, Thương mại, Y tế, Nông nghiệp, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ) và các cơ quan Chính phủ có liên quan, bao gồm các cơ quan quản lý giám sát thực phẩm và dược phẩm, tiêu chuẩn hóa, đánh giá tuân thủ, công nhận, LPH và Hội đồng Ulema Indonesia (MUI).

Về chứng nhận và đăng ký sản phẩm nhập khẩu, các sản phẩm nước ngoài phải trải qua chứng nhận Halal và đăng ký để được bán ở Indonesia. Chỉ định danh mục sản phẩm phải có chứng nhận Halal, nêu chi tiết các giai đoạn chứng nhận Halal cho tất cả sản phẩm được phân phối và bán ở Indonesia.